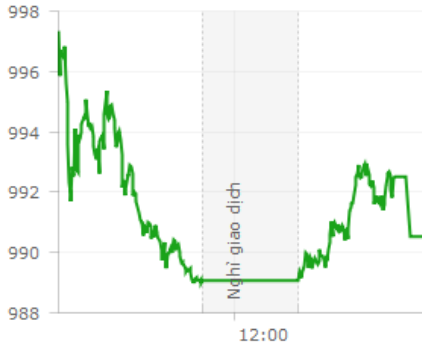
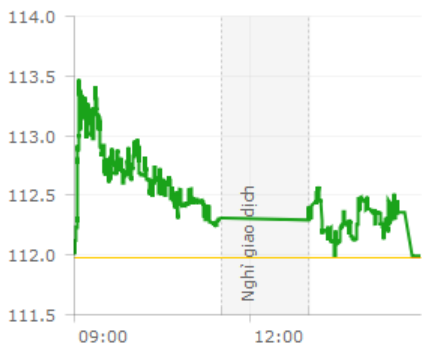


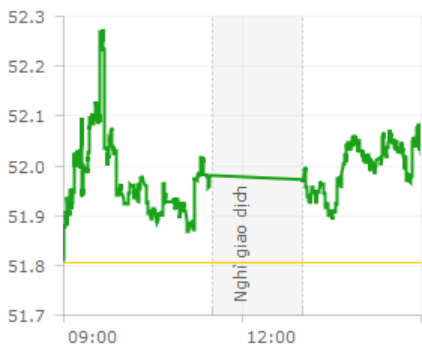
Vn-index: 7.35 điểm (0.75%)



Hnx-index: 0.01 điểm (0.01%)



Upcom-index: 0.21 điểm (0.41%)



Phân tích kỹ thuật Vn-index

Xu thế ngắn hạn: **Tăng**
Xu thế trung hạn: **Giảm**
Xu thế dài hạn: **Tăng**

Giữ Sắc Xanh Trong Biên Độ Hẹp Với Thanh Khoản Thấp

Tổng hợp: (Phiên giao dịch ngày 25/06/2018). Áp lực bán gia tăng khá mạnh khi thị trường tiệm cận vùng tâm lý 1.000 điểm, qua đó thu hẹp đáng kể tín hiệu tích cực ở đầu phiên, nhưng các chỉ số vẫn đóng cửa trong sắc xanh với 2 phiên liên tiếp. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 7,35 điểm (0,75%) lên 990,52 điểm với khối lượng giao dịch đạt 142,09 triệu CP, trị giá 3.364,1 tỷ đồng; HNX-Index tăng 0,01 điểm (0,01%) lên 111,99 điểm với khối lượng giao dịch đạt 29,6 triệu CP, trị giá 432,65 tỷ đồng.

Thanh khoản: Tương tự như 2 phiên trước, thanh khoản vẫn là yếu tố đáng lo ngại của thị trường. Tổng khối lượng giao dịch trên hai sàn niêm yết chỉ đạt 171,7 triệu cổ phiếu, trị giá gần 3.800 tỷ đồng. Trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm hơn 24,75 triệu CP, trị giá 647 tỷ đồng.

Điểm nhấn: Đi ngược lại xu hướng giảm của thị trường tài chính Châu Á sáng nay, chứng khoán Việt Nam kết thúc phiên trong sắc xanh trên các chỉ số, nhưng đà tăng bị giảm nhiệt khá nhiều khi về cuối phiên. Giao dịch trên thị trường không có nhiều điểm quá nổi trội. Trong đó, nhóm ngân hàng đã tạo ra một số sự chú ý cho nhà đầu tư. Trong khi thị trường chung hồi phục thì một vài cổ phiếu ngân hàng là VPB, HDB và ACB bất ngờ đảo chiều giảm điểm. VPB giảm 1,1%, HDB và ACB đều giảm 0,3%. Trong khi đó, các cổ phiếu ngân hàng khác là BID, CTG, TCB, STB, TPB, VCB... vẫn duy trì đà tăng khá tốt. VCB tăng 1,2% lên 59.400 đồng/CP. TPB tăng 1,1% lên 27.800 đồng/CP. BID vẫn tăng 2,5% lên 28.200 đồng/CP.

Bên cạnh đó, các cổ phiếu trụ cột là BVH, MSN, MWG, PLX, VRE... cũng tăng khá mạnh và tạo lực đỡ tốt giúp thị trường duy trì được trạng thái tích cực. Đáng chú ý có ROS sau phiên giảm sàn cuối tuần trước, thì hôm nay đảo ngược hoàn toàn, chốt phiên ở mức giá trần 46.250 đồng/CP và trắng bên bán. Ở nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, nổi bật có cặp đôi HAG và HNG giao dịch mạnh với diễn biến tích cực. HAG tăng 3% lên 4.840 đồng/CP và khớp lệnh 5 triệu cổ phiếu. HNG tăng 4,3% lên 9.600 đồng/CP và khớp lệnh 4,6 triệu cổ phiếu.

Khôi ngoại: Cho đến kết thúc phiên giao dịch hôm nay, nhà đầu tư nước ngoài đã thực hiện liên tiếp 3 phiên mua ròng trên thị trường, với giá trị trong phiên đầu tuần mới này là 61,71 tỷ đồng. Trên sàn HOSE, khối ngoại đã mua ròng hơn 2,21 triệu đơn vị, với tổng giá trị mua ròng tương ứng 63,79 tỷ đồng. Trên sàn HNX, khối ngoại đã bán ròng 519.871 đơn vị, với tổng giá trị bán ròng tương ứng 12,82 tỷ đồng.

Nhóm ngành: Giữ sắc xanh phiên thứ 2 liên tiếp với số nhóm ngành tăng điểm áp đảo (11/18) nhóm ngành giảm điểm. Trong đó ngành bán lẻ có mức tăng mạnh nhất 2,8% với sự hỗ trợ khá tốt từ cặp đôi CP MWG và DGW. Các nhóm ngành tài nguyên, vật liệu xây dựng và bảo hiểm có mức tăng trên 1%. Ở chiều ngược lại giảm sâu nhất 1,96% là nhóm dầu khí, nhóm du lịch và giải trí giảm đứng thứ 2 với 0,98% và thứ đứng thứ 3 là nhóm hàng gia dụng giảm 0,75%.

Phân tích kỹ thuật Hnx-index

Xu thế ngắn hạn: **Tăng**
 Xu thế trung hạn: **Giảm**
 Xu thế dài hạn: **Tăng**

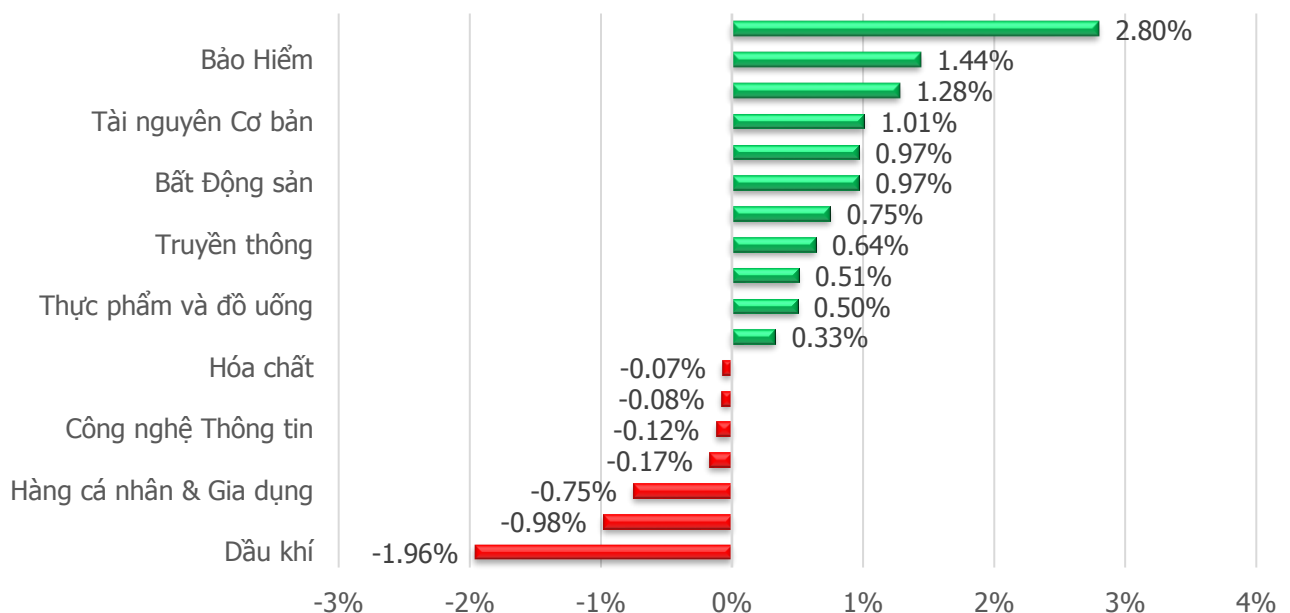
Nhóm CP vốn hóa lớn: Trong Top 10 mã vốn hóa lớn nhất sàn, chỉ có SAB giảm nhẹ 0,31%, xuống 225.300 đồng, còn lại đều tăng nhưng không mạnh. Các mã VIC, VHM, VNM, VCB, TCB chỉ tăng trên dưới 1%. Các mã tăng tích cực hơn là CTG tăng 1,74%, lên 26.350 đồng với 3,97 triệu đơn vị, BID tăng 2,55% lên 28.200 đồng với 1,94 triệu đơn vị và MSN tăng 2,47%, lên 83.000 đồng.

Nhóm CP thanh khoản: FLC là mã nhận được nhiều sự quan tâm nhất khi tổng khớp đạt 11,58 triệu đơn vị, đứng đầu sàn HOSE, đóng cửa tăng mạnh 5%, lên 5.250 đồng. Tiếp đến là HQC với 5,83 triệu CP, HAG cũng đã vượt qua VPB trở thành mã có thanh khoản tốt thứ 3 sàn HOSE với 5,1 triệu CP. Trên sàn HNX thì PVS, SHB và ACB vẫn là 3 mã có thanh khoản tốt nhất sàn, SHB có thanh khoản tốt nhất sàn với 4,72 triệu đơn vị và vẫn đứng ở mức tham chiếu 8.700 đồng, PVS lùi xuống vị trí thứ 2 với 4,31 triệu đơn vị, đóng cửa tăng 1,73%, lên 17.600 đồng. ACB đứng thứ 3 với 2,81 triệu đơn vị được khớp, nhưng lại đóng cửa giảm 0,25%, xuống 39.300 đồng.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ: Giữ được sắc xanh trên cả 2 sàn, nhưng đà tăng có phần yếu đi khi về cuối phiên, đặc biệt là áp lực bán khá lớn khi chỉ số Vn-index tiếp cận vùng tâm lý 1.000 điểm. Chúng tôi nhận thấy đây là giai đoạn tâm lý của nhà đầu tư khá phân vân và lưỡng lự, khi mà xu hướng trong trung hạn vẫn thể hiện đà giảm khá rõ với ảnh hưởng tin tức về chiến tranh thương mại thế giới đang leo thang từng ngày. Trong khi đó, xung lực tăng điểm trong ngắn hạn đang yếu đi khi đà tăng bị thu hẹp đáng kể về cuối phiên. Sau những khuyến nghị mua CP trong những phiên trước đó, giờ là lúc cần quan tâm tới danh mục CP đang nắm giữ với ưu tiên nâng thêm tỷ trọng một cách từ tốn ở những CP đang có lợi nhuận và hạn chế hạn chế mở thêm vị thế mua ở những CP đang có thua lỗ. Đồng thời giữ tài khoản ở một trạng thái cân bằng giữa tiền mặt và CP.

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU THEO NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
CLW	16,100	1,050	6.98%	20
DIG	19,200	1,250	6.96%	1,994,310
TTF	4,000	260	6.95%	199,600
ROS	46,250	3,000	6.94%	973,550
TGG	15,450	1,000	6.92%	1,022,220

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
VC1	14,300	1,300	10.00%	130
DNM	16,500	1,500	10.00%	100
TV3	48,600	4,400	9.95%	1,600
MKV	15,500	1,400	9.93%	500
VHL	44,500	4,000	9.88%	100

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
VFG	38,900	-9,500	-19.63%	440
NAV	4,650	-350	-7.00%	10
CLG	3,210	-240	-6.96%	720
TIE	6,020	-450	-6.96%	20,890
HLG	9,160	-680	-6.91%	1,570

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
TNG	10,600	-1,600	-13.11%	143,430
NGC	8,100	-900	-10.00%	100
SDU	9,000	-1,000	-10.00%	100
CCM	23,700	-2,600	-9.89%	1,200
NDN	14,700	-1,600	-9.82%	120,600

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
FLC	5,250	250	5.00%	11,576,330
HQC	2,080	90	4.52%	5,831,270
HAG	4,840	140	2.98%	5,101,510
VPB	32,550	-350	-1.06%	5,058,520
HNG	9,600	400	4.35%	4,596,710

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	17,600	300	1.73%	4,309,907
NSH	10,300	0	0.00%	1,203,600
ITQ	3,500	0	0.00%	715,800
SHN	10,300	400	4.04%	569,700
SIC	12,200	900	7.96%	317,910

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

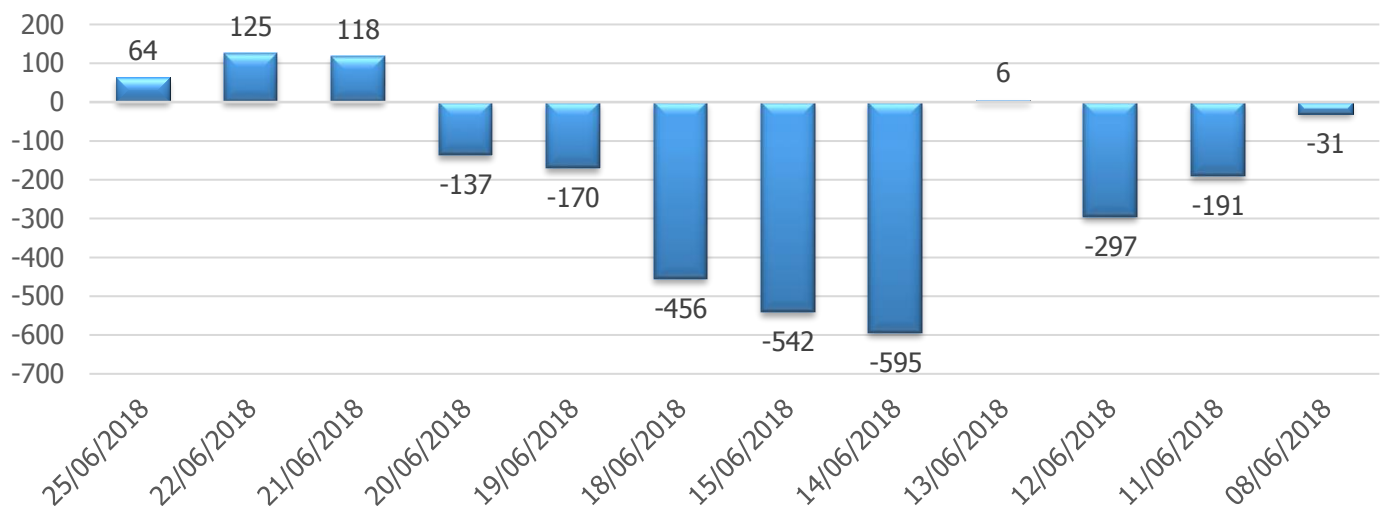
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
FLC	5,250	250	5.00%	11,576,330
HGC	2,080	90	4.52%	5,831,270
HAG	4,840	140	2.98%	5,101,510
VPB	32,550	-350	-1.06%	5,058,520
HNG	9,600	400	4.35%	4,596,710

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

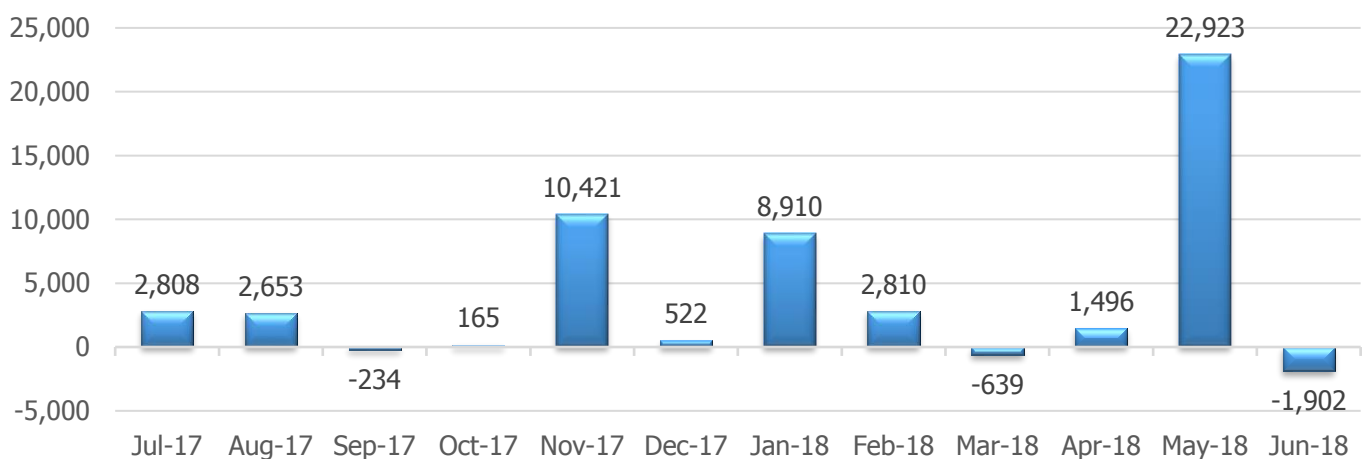
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	8,700	0	0.00%	4,719,227
PVS	17,600	300	1.73%	4,309,907
ACB	39,300	-100	-0.25%	2,808,160
KLF	2,000	100	5.26%	1,405,196
NSH	10,300	0	0.00%	1,203,600

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
HPG	28.30	VIC	19.91
VNM	19.70	GAS	17.82
DXG	15.53	HNG	10.28
VCB	11.80	NVL	6.78
STB	10.12	PTB	5.30

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
PVS	2.36	VGC	15.13
SHB	0.76	PLC	0.48
PCG	0.64	TTT	0.42
SHS	0.19	DNP	0.39
LHC	0.12	L14	0.14

DANH MỤC MỘT SỐ QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LỚN TẠI VIỆT NAM

Vina Capital (VOF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	13.40%	86,974	22,614	4,053	17.0%	27.6%	10.10	1.81	5,758,675	41,500	86.44%
2	VNM	10.90%	258,322	17,786	6,933	30.1%	40.7%	25.67	10.01	1,146,106	179,200	19.87%
3	ACV	9.00%	199,662	12,999	2,020	8.9%	16.5%	45.40	7.05	190,932	92,500	77.67%
4	KDH	6.30%	12,159	16,023	1,787	5.7%	9.1%	17.54	1.96	396,653	31,150	33.32%
5	PNJ	6.10%	17,025	29,592	5,101	19.4%	30.7%	20.58	3.55	433,983	103,500	62.91%
6	VJC	4.70%	78,940	25,522	12,201	19.1%	59.3%	14.34	6.85	1,172,267	173,000	102.86%
7	QNS	3.20%	11,020	19,070	3,352	13.9%	22.5%	11.24	1.98	246,556	38,000	-43.63%
8	EIB	3.10%	17,581	11,944	920	0.8%	8.0%	15.55	1.20	2,802,082	14,500	9.16%
9	CTD	3.00%	12,135	97,974	21,298	11.6%	23.3%	7.28	1.58	282,940	158,000	-26.25%
10	PVS	2.60%	7,728	24,097	1,787	3.4%	6.6%	9.68	0.72	6,316,612	17,600	10.54%
	Tổng	62.80%										

Dragon Capital (VEIL)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	ACB	7.20%	42,729	16,720	2,568	1.0%	17.5%	15.35	2.36	4,742,732	39,300	66.05%
2	MWG	7.20%	37,746	22,494	7,883	12.6%	42.5%	14.83	5.20	623,952	120,900	17.39%
3	MBB	7.07%	50,653	16,226	2,278	1.4%	14.2%	12.25	1.72	6,766,812	28,200	37.89%
4	VNM	6.27%	258,322	17,786	6,933	30.1%	40.7%	25.67	10.01	1,146,106	179,200	19.87%
5	KDH	5.13%	12,159	16,023	1,787	5.7%	9.1%	17.54	1.96	396,653	31,150	33.32%
6	HPG	4.04%	86,974	22,614	4,053	17.0%	27.6%	10.10	1.81	5,758,675	41,500	86.44%
7	FPT	4.00%	27,610	19,513	4,943	11.2%	23.1%	9.10	2.31	2,260,015	45,100	13.88%
8	GAS	3.94%	173,595	22,984	5,231	16.1%	23.3%	17.34	3.95	814,970	91,000	66.42%
9	ACV	3.59%	199,662	12,999	2,020	8.9%	16.5%	45.40	7.05	190,932	92,500	77.67%
10	VJC	3.37%	78,940	25,522	12,201	19.1%	59.3%	14.34	6.85	1,172,267	173,000	102.86%
	Tổng	51.81%										

Dragon Capital (VEF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VPB	14.23%	82,128	20,142	2,886	2.6%	25.8%	11.40	1.63	4,869,426	32,550	0.00%
2	MWG	13.30%	37,746	22,494	7,883	12.6%	42.5%	14.83	5.20	623,952	120,900	17.39%
3	PNJ	8.57%	17,025	29,592	5,101	19.4%	30.7%	20.58	3.55	433,983	103,500	62.91%
4	FPT	4.88%	27,610	19,513	4,943	11.2%	23.1%	9.10	2.31	2,260,015	45,100	13.88%
5	MBB	4.79%	50,653	16,226	2,278	1.4%	14.2%	12.25	1.72	6,766,812	28,200	37.89%
6	DHG	4.63%	13,676	21,307	4,901	15.5%	22.8%	21.34	4.91	293,976	104,500	-16.06%
7	CTD	4.60%	12,135	97,974	21,298	11.6%	23.3%	7.28	1.58	282,940	158,000	-26.25%
8	CII	4.18%	6,550	20,039	1,161	1.4%	3.7%	22.91	1.33	941,173	26,000	-29.16%
9	CTI	3.52%	1,796	19,088	2,461	3.4%	10.5%	11.58	1.49	458,706	27,900	0.36%
10	VCI	3.41%	10,296	29,927	7,534	15.2%	32.6%	11.39	2.87	201,593	86,000	0.00%
	Tổng		62.80%									

VNM ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VIC	9.41%	323,911	12,588	1,623	2.1%	8.4%	75.66	9.76	3,248,103	123,700	191.69%
2	NVL	7.34%	45,827	17,861	2,101	3.7%	13.6%	24.03	2.83	5,913,040	50,700	-2.14%
3	VNM	7.23%	258,322	17,786	6,933	30.1%	40.7%	25.67	10.01	1,146,106	179,200	19.87%
4	CTG	7.11%	96,436	17,690	2,103	0.7%	12.4%	12.32	1.46	7,058,403	26,350	34.67%
5	MSN	7.00%	85,313	14,153	3,328	5.7%	16.6%	24.34	5.72	1,464,777	83,000	94.71%
6	ROS	5.46%	24,549	12,057	1,378	8.3%	14.5%	31.38	3.59	1,224,801	46,250	-33.07%
7	HPG	5.30%	86,974	22,614	4,053	17.0%	27.6%	10.10	1.81	5,758,675	41,500	86.44%
8	Mani	5.24%	115	12,546	1,021	6.1%	8.5%	7.83	0.64	16,526	8,000	-6.31%
9	SSI	5.17%	15,795	17,871	2,607	7.0%	14.5%	12.12	1.77	6,289,905	31,650	20.24%
10	Eclat	4.57%	20	16,394	1,648	6.9%	9.6%	6.74	0.68	10	11,000	-5.13%
11	BVH	3.78%	59,575	20,859	2,354	1.8%	11.1%	36.11	4.08	447,991	86,700	49.60%
12	Synopex	3.76%	839	16,775	1,364	6.9%	8.0%	9.16	0.75	66,385	12,300	23.86%
13	SOCO	3.29%	4,119	12,253	1,010	2.4%	5.7%	10.83	0.89	4,560	10,900	0.00%
14	RMIL	3.24%	11	10,483	1,079	0.0%	0.0%	9.26	0.95	0	10,000	0.00%
15	Hansae	3.04%	1,664	10,943	816	0.0%	0.0%	14.46	1.08	112	11,800	31.59%
16	VCG	2.73%	7,421	14,706	3,047	6.3%	17.6%	5.51	1.14	1,699,648	17,100	-11.03%
17	STB	2.52%	21,644	13,124	753	0.4%	5.9%	15.93	0.91	12,768,060	12,150	-16.08%
18	SBT	2.44%	7,877	14,509	1,326	3.0%	7.9%	11.99	1.10	5,647,686	15,600	-56.08%
19	TCH	2.28%	8,108	12,300	1,217	9.1%	9.9%	18.86	1.87	1,489,700	22,800	24.22%
20	MCNEX	1.65%	19	0	-2,371	0.0%	0.0%	-2.24	0.00	0	5,300	0.00%
21	KDC	1.60%	6,807	30,880	1,715	3.1%	4.5%	19.30	1.07	454,446	34,200	-26.31%
22	DPM	1.52%	6,614	20,529	1,665	6.1%	7.9%	10.15	0.82	1,006,162	17,650	-17.54%
23	NT2	1.46%	8,521	18,134	2,706	7.6%	15.7%	10.94	1.63	468,504	29,800	11.02%
24	HAG	1.41%	4,359	14,591	791	1.4%	3.9%	5.94	0.32	6,877,005	4,840	-50.84%
25	HSG	1.20%	4,870	15,704	2,351	4.2%	17.1%	5.38	0.81	3,450,649	12,500	-54.50%
26	DCMI	0.22%	5,744	12,026	1,158	4.9%	9.9%	9.37	0.90	1,014,767	10,850	-19.63%
27	U.S.Dollar	0.0004	345	15,408	2,068	7.2%	14.0%	5.44	0.73	27,943	10,900	31.87%
28	VCB	5.76%	211,189	15,558	2,887	1.1%	19.2%	20.34	3.77	2,947,019	59,400	57.41%
29	VRE	4.34%	76,043	13,995	970	5.0%	7.2%	41.23	2.86	4,484,996	40,800	0.00%
Tổng		100%										

FTSE Vietnam Index ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	15.60%	86,974	22,614	4,053	17.0%	27.6%	10.10	1.81	5,758,675	41,500	86.44%
2	VIC	15.41%	323,911	12,588	1,623	2.1%	8.4%	75.66	9.76	3,248,103	123,700	191.69%
3	MSN	15.32%	85,313	14,153	3,328	5.7%	16.6%	24.34	5.72	1,464,777	83,000	94.71%
4	VNM	12.55%	258,322	17,786	6,933	30.1%	40.7%	25.67	10.01	1,146,106	179,200	19.87%
5	VCB	6.80%	211,189	15,558	2,887	1.1%	19.2%	20.34	3.77	2,947,019	59,400	57.41%
6	NVL	5.84%	45,827	17,861	2,101	3.7%	13.6%	24.03	2.83	5,913,040	50,700	-2.14%
7	ROS	5.14%	24,549	12,057	1,378	8.3%	14.5%	31.38	3.59	1,224,801	46,250	-33.07%
8	PVS	5.10%	7,728	24,097	1,787	3.4%	6.6%	9.68	0.72	6,316,612	17,600	10.54%
9	SSI	4.08%	15,795	17,871	2,607	7.0%	14.5%	12.12	1.77	6,289,905	31,650	20.24%
10	STB	2.88%	21,644	13,124	753	0.4%	5.9%	15.93	0.91	12,768,060	12,150	-16.08%
Tổng		88.72%										

MSCI Frontier Markets Index												
STT	Ma CP	% Phân bố	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VNM	5.65%	258,322	17,786	6,933	30.1%	40.7%	25.67	10.01	1,146,106	179,200	19.87%
2	VIC	2.76%	323,911	12,588	1,623	2.1%	8.4%	75.66	9.76	3,248,103	123,700	191.69%
3	MSN	1.81%	85,313	14,153	3,328	5.7%	16.6%	24.34	5.72	1,464,777	83,000	94.71%
4	HPG	1.43%	86,974	22,614	4,053	17.0%	27.6%	10.10	1.81	5,758,675	41,500	86.44%
5	ROS	0.63%	24,549	12,057	1,378	8.3%	14.5%	31.38	3.59	1,224,801	46,250	-33.07%
6	NVL	0.58%	45,827	17,861	2,101	3.7%	13.6%	24.03	2.83	5,913,040	50,700	-2.14%
7	VRE	0.48%	76,043	13,995	970	5.0%	7.2%	41.23	2.86	4,484,996	40,800	0.00%
8	SSI	0.45%	15,795	17,871	2,607	7.0%	14.5%	12.12	1.77	6,289,905	31,650	20.24%
9	STB	0.32%	21,644	13,124	753	0.4%	5.9%	15.93	0.91	12,768,060	12,150	-16.08%
10	SAB	0.28%	144,930	22,596	7,527	22.9%	31.6%	30.03	10.00	124,845	225,300	11.74%
11	PVS	0.20%	7,728	24,097	1,787	3.4%	6.6%	9.68	0.72	6,316,612	17,600	10.54%
12	SBT	0.19%	7,877	14,509	1,326	3.0%	7.9%	11.99	1.10	5,647,686	15,600	-56.08%
13	HSG	0.15%	4,870	15,704	2,351	4.2%	17.1%	5.38	0.81	3,450,649	12,500	-54.50%
14	TCH	0.14%	8,108	12,300	1,217	9.1%	9.9%	18.86	1.87	1,489,700	22,800	24.22%
15	DPM	0.13%	6,614	20,529	1,665	6.1%	7.9%	10.15	0.82	1,006,162	17,650	-17.54%
16	KBC	0.10%	5,731	18,088	1,312	4.0%	6.8%	9.30	0.67	3,618,337	12,300	-28.65%
Tổng		15.3%										

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Gía Mua cao nhất	Gía Bán cao nhất	Cắt lỗ	Gía đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	DPM	17.4	19.3	15.8	17.70	17.20					Chờ khớp
	EVG	5.1	5.6	4.6	5.10	5.00					Chờ khớp
	GIL	41.9	46.5	38.2	41.90	41.50					Chờ khớp
	KDC	34.0	37.7	31.0	34.20	33.70					Chờ khớp
	PVD	13.5	15.0	12.3	13.80	13.40					Chờ khớp
	PVB	15.4	17.0	14.0	15.60	15.20					Chờ khớp
Danh Mục Đang Năm Giữ	LTG	38.4	42.6	35.0	37.80	38.00		25/06/2018		-0.5%	Năm giữ
	HAX	16.5	18.3	15.0	16.50	16.30		25/06/2018		1.2%	Năm giữ
	PVS	16.7	18.5	15.2	17.6	16.5		21/06/2018		6.7%	Năm giữ
	PVC	5.8	6.4	5.2	5.8	5.7		21/06/2018		1.8%	Năm giữ
	VCG	17.2	19.0	15.6	17.10	17.00		21/06/2018		0.6%	Năm giữ
	HDB	34.8	38.6	31.7	37.3	34.5		20/06/2018		8.1%	Năm giữ
	HD2	7.8	8.6	7.1	7.7	7.7		19/06/2018		0.0%	Năm giữ
	SHI	6.9	7.6	6.3	6.7	6.8		19/06/2018		-1.5%	Năm giữ
	PDR	31.8	35.3	29.0	31.3	31.5		18/06/2018		-0.6%	Năm giữ
	HAH	14.4	16.0	13.2	13.9	14.3		13/06/2018		-3.1%	Năm giữ
	PPI	1.2	1.3	1.1	1.4	1.2		04/06/2018		16.7%	Năm giữ
	TLD	10.5	11.6	9.6	13.7	10.4		30/05/2018		31.7%	Năm giữ
	VRC	16.2	17.9	14.7	17.7	16.0		30/05/2018		10.6%	Năm giữ
TNI	6.5	7.2	5.9	6.9	6.4		14/05/2018		7.8%	Năm giữ	

Danh Mục Đã Bán	KDM	2.6	2.9	2.4	3.4	2.6	3.6	24/05/2018	07/06/2018	38.5%	Đã bán
	DRC	20.5	22.7	18.7	23.0	20.3	23.5	30/05/2018	19/06/2018	15.8%	Đã bán
	ITQ	3.3	3.7	3.0	3.5	3.3	3.6	15/06/2018	25/06/2018	9.1%	Đã bán
	ANV	24.0	26.7	21.9	25.3	23.8	25.0	28/05/2018	19/06/2018	5.0%	Đã bán
	BTP	12.1	13.4	11.0	11.5	12.0	11.8	26/04/2018	15/06/2018	9.1%	Đã bán
	LPB	11.9	13.2	10.9	12.2	11.8	12.3	30/05/2018	13/06/2018	4.2%	Đã bán
	NVL	50.5	56.0	46.0	51.7	50.0	51.5	25/05/2018	19/06/2018	3.0%	Đã bán
	NTC	65.7	72.8	59.8	67.0	65.0	68.8	05/06/2018	20/06/2018	5.8%	Đã bán
	FTS	13.9	15.5	12.7	13.7	13.8	13.9	05/06/2018	08/06/2018	0.7%	Đã bán
	BMP	61.4	68.1	55.9	59.6	60.8	61.0	04/06/2018	13/06/2018	0.3%	Đã bán
	ELC	11.0	12.2	10.0	11.1	10.9	11.0	12/06/2018	19/06/2018	0.9%	Đã bán
	TDH	15.2	16.8	13.8	13.8	15.0	13.8	25/05/2018	20/06/2018	-1.6%	Đã bán
	LAS	12.2	13.6	11.1	11.2	12.1	11.2	06/08/2018	21/06/2018	-7.4%	Đã bán
	BHN	111.3	123.4	101.4	101.1	110.2	101.4	19/06/2018	25/06/2018	-8.0%	Đã bán
	HBC	28.1	31.1	25.6	26.0	27.8	26.4	18/06/2018	20/06/2018	-5.0%	Đã bán
	CCL	3.8	4.2	3.5	3.7	3.8	3.7	15/06/2018	20/06/2018	-2.4%	Đã bán
	CTI	29.9	33.2	27.2	28.1	29.6	28.2	08/06/2018	20/06/2018	-4.7%	Đã bán
	GEG	14.1	15.7	12.9	13.8	14.0	13.7	05/06/2018	19/06/2018	-2.1%	Đã bán
	KSB	37.6	41.7	34.2	36.5	37.2	36.3	12/06/2018	19/06/2018	-2.4%	Đã bán
	DBD	48.8	54.1	44.4	45.60	48.30	46.5	22/05/2018	19/06/2018	-3.7%	Đã bán
	GMD	29.1	32.3	26.5	26.9	28.8	26.8	07/06/2018	19/06/2018	-6.9%	Đã bán
	HDC	16.9	18.7	15.4	16.0	16.7	15.8	07/06/2018	19/06/2018	-5.4%	Đã bán
	ACV	93.9	104.2	85.6	85.0	93.0	85.6	12/06/2018	19/06/2018	-8.6%	Đã bán
	DHT	43.4	48.2	39.6	43.4	43.0	39.6	06/06/2018	19/06/2018	-2.6%	Đã bán
	SJS	22.8	25.3	20.8	20.8	22.6	20.8	12/06/2018	19/06/2018	-8.2%	Đã bán
	DGW	29.5	32.7	26.9	27.0	29.2	26.8	12/06/2018	19/06/2018	-8.2%	Đã bán
	VCS	103.0	114.2	93.8	98.3	102.0	100.0	07/06/2018	14/06/2018	-2.0%	Đã bán
	DAG	9.2	10.2	8.4	8.9	9.1	9.0	01/06/2018	13/06/2018	-1.2%	Đã bán
	EIB	15.4	17.0	14.0	14.8	15.2	14.7	06/06/2018	13/06/2018	-3.3%	Đã bán
	BFC	31.4	34.8	28.6	29.9	31.1	29.9	08/06/2018	13/06/2018	-3.9%	Đã bán
DS3	14.9	16.6	13.6	12.3	14.8	13.0	01/06/2018	05/06/2018	-12.2%	Đã bán	
HMC	15.7	17.4	14.3	17.2	15.5	17.4	21/03/2018	09/05/2018	12.3%	Đã bán	
DVN	16.2	17.9	14.7	16.6	16.0	16.8	03/05/2018	11/05/2018	5.0%	Đã bán	
CLC	34.3	38.1	31.3	31.7	34.0	32.8	03/05/2018	22/05/2018	2.7%	Đã bán	
FPT	61.1	67.8	55.7	59.7	60.5	60.6	16/05/2018	23/05/2018	0.2%	Đã bán	
GDT	49.0	54.3	44.6	45.8	48.5	45.7	02/05/2018	29/05/2018	0.8%	Đã bán	

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs.research@vn-cs.com

Người thực hiện: **Lưu Chí Kháng**
Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: khanglc@vn-cs.com

Người thực hiện: **Đỗ Thị Hương**
Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu
Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Nguyễn Đức Minh
Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: minhnd@vn-cs.com

Trần Vũ Phương Liên
Chuyên viên phân tích
Email: lientvp@vn-cs.com

Nguyễn Vĩnh Long
Chuyên viên phân tích
Email: longnv@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương
Chuyên viên phân tích
Email: duongvt@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng
Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: khanglc@vn-cs.com

Đỗ Thị Hương
Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến -20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099
Webiste: www.vn-cs.com